

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo  
Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ  
về một số chính sách phát triển thủy sản**

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp bù lãi suất do thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các ngân hàng thương mại thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### **Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất**

Các ngân hàng thương mại được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất khi đáp ứng được đầy đủ các điều kiện sau:

1. Thực hiện chính sách tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các khoản cho vay được cấp bù lãi suất là các khoản cho vay đúng đối tượng, khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Các khoản cho vay trong hạn;

b) Các khoản cho vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được cơ cấu lại nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Nguyên nhân khách quan, bất khả kháng bao gồm: tàu bị thiên tai trên biển; tàu bị nước ngoài bắt giữ sau đó trả lại; bị tàu nước ngoài hoặc tàu hải tặc đâm va.

### **Điều 4. Mức lãi suất cấp bù**

1. Mức lãi suất cấp bù cho các ngân hàng thương mại.

a) Đối với năm đầu tiên (12 tháng), tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng (chủ tàu được miễn lãi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP): Mức lãi suất cấp bù là 7%/năm. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì mức lãi suất cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

b) Đối với năm thứ 2 trở đi của hợp đồng tín dụng, mức lãi suất cấp bù là chênh lệch giữa lãi suất ngân hàng thương mại cho vay và lãi suất chủ tàu phải trả theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều chỉnh giảm lãi suất cho vay thấp hơn 7%/năm thì lãi suất cho vay làm căn cứ cấp bù là lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cho Bộ Tài chính mức lãi suất cho vay để làm căn cứ cấp bù lãi suất khi điều chỉnh lãi suất cho vay.

### **Điều 5. Thủ tục cấp bù lãi suất**

1. Lập kế hoạch cấp bù lãi suất.

a) Các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất năm theo công thức sau:

$$\text{Số cấp bù trong năm kế hoạch} = \text{Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch} \times \text{Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân năm kế hoạch được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm và dư nợ cuối năm kế hoạch;

- Mức lãi suất cấp bù năm kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại lập kế hoạch cấp bù lãi suất cả năm kế hoạch (có chia ra từng quý) theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này; gửi Bộ Tài chính (01 bộ), Bộ Kế hoạch và Đầu tư (01 bộ) và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (01 bộ) để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước.

c) Riêng năm 2014, căn cứ tình hình thực hiện những tháng cuối năm, các ngân hàng thương mại tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính để thực hiện tạm cấp bù lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều này.

## 2. Tạm cấp bù lãi suất hàng quý.

a) Tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quý về tình hình thực hiện cho vay và văn bản đề nghị tạm cấp bù lãi suất quý của các ngân hàng thương mại, Bộ Tài chính sẽ thực hiện tạm cấp bù lãi suất.

b) Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong quý bằng 95% số tiền cấp bù lãi suất phát sinh quý trước.

## 3. Quyết toán cấp bù lãi suất.

a) Xác định số tiền lãi thực tế trong kỳ đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù.

- Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản vay được tính theo phương pháp tổng các tích số giữa mức lãi suất cấp bù (chia theo tháng) với dư nợ cho vay tương ứng với số ngày dư nợ thực tế, theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi thực tế cấp bù cho một khoản vay} = \sum_{i=1}^n \text{Mức lãi suất cấp bù tháng} \times \frac{\text{Tổng các tích số giữa số dư nợ (tương ứng với lãi suất cho vay) với số ngày dư nợ thực tế}}{30 \text{ ngày}}$$

Trong đó: Mức lãi suất cấp bù theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này và được tính theo đơn vị %/tháng; n là số ngày dư nợ trong kỳ được hỗ trợ lãi suất.

- Số tiền được cấp bù là tổng số tiền lãi thực tế cấp bù của tất cả các khoản cho vay thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Các ngân hàng thương mại sử dụng công thức trên để xác định số tiền cấp bù lãi suất hàng năm đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù cho ngân hàng.

b) Hồ sơ quyết toán cấp bù lãi suất.

- Báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của từng khoản cho vay đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán Nhà nước theo Phụ lục 01/BC đính kèm Thông tư này.

- Công văn đề nghị Bộ Tài chính quyết toán cấp bù lãi suất trong đó số đề nghị quyết toán không vượt quá số liệu đã được cơ quan kiểm toán xác nhận.

- Các tài liệu (bản chính hoặc bản sao do ngân hàng thương mại đóng dấu sao y) bao gồm: hợp đồng tín dụng, khế ước hoặc các giấy tờ tương đương để xác định đối tượng khách hàng vay vốn, tình hình thực hiện cho vay, dư nợ, thu nợ; bảng kê tích số để xác định số tiền cấp bù lãi suất; hợp đồng đóng mới, nâng cấp tàu. Các tài liệu này được ngân hàng thương mại lưu trữ tại trụ sở chính của ngân hàng để phục vụ cho công tác thẩm tra quyết toán trong trường hợp cần thiết.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về tính hợp lệ và chính xác của hồ sơ quyết toán và số liệu đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất.

c) Gửi văn bản đề nghị quyết toán.

Chậm nhất trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, các ngân hàng thương mại phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán và gửi Bộ Tài chính công văn đề nghị quyết toán, báo cáo tổng hợp số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất.

a) Thực hiện thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất.

Bộ Tài chính tiến hành thẩm tra số liệu đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quyết toán cấp bù lãi suất của các ngân hàng thương mại và các ngân hàng thương mại chuẩn bị đầy đủ hồ sơ quyết toán theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Xử lý chênh lệch số liệu.

- Trường hợp có sự chênh lệch giữa số đề nghị quyết toán và số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì các ngân hàng thương mại thực hiện điều chỉnh trên sổ sách kế toán số quyết toán cấp bù lãi suất theo số liệu đã được Bộ Tài chính thẩm tra.

- Việc xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán được thực hiện trong thời gian 45 ngày kể từ ngày Bộ Tài chính ra thông báo duyệt quyết toán.

- Trường hợp phải kéo dài thời gian xử lý chênh lệch giữa số thẩm tra quyết toán và số đề nghị quyết toán và các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

- Trường hợp số ngân sách nhà nước đã tạm cấp bù lãi suất cho ngân hàng cao hơn số thẩm tra quyết toán của Bộ Tài chính thì số chênh lệch sẽ được Bộ Tài chính chuyển thành số tạm cấp của năm sau hoặc thu hồi nợ ngân sách nhà nước.

c) Xử lý trong trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích: Khi phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích, ngân hàng thương mại cho vay thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật đồng thời hoàn trả số tiền đã được ngân sách cấp bù lãi suất đối với số tiền cho vay đã bị sử dụng sai mục đích (trong trường hợp ngân sách nhà nước đã cấp bù lãi suất) hoặc loại trừ số tiền cho vay đã sử dụng sai mục đích ra khỏi dư nợ cho vay đề nghị ngân sách nhà nước cấp bù (trong trường hợp ngân sách nhà nước chưa cấp bù lãi suất).

## **Điều 6. Chế độ báo cáo**

### **1. Đối với báo cáo quý.**

Định kỳ hàng quý (chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo), các ngân hàng thương mại gửi báo cáo quý về kết quả thực hiện cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Phụ lục 02/BC đính kèm Thông tư này.

### **2. Đối với báo cáo năm.**

Định kỳ hàng năm (chậm nhất trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính), các ngân hàng thương mại gửi báo cáo năm về kết quả thực hiện cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Phụ lục 03/BC đính kèm Thông tư này.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ ngày 25 tháng 8 năm 2014.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết. *l.n*

### ***Nơi nhận:***

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Vụ NSNN, Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ TCNH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**

NGÂN HÀNG .....

Phụ lục 01/BC

**BÁO CÁO SỐ LIỆU ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN CẤP BÙ LÃI SUẤT DO  
THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 114 /2014/TT-BTC ngày 20 /8 / 2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị: đồng

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu năm	Phát sinh trong năm		Dư nợ cuối năm	Số tiền đề nghị được cấp bù lãi suất trong năm	Số tiền đã tạm cấp bù lãi suất trong năm	Số đã cấp bù lãi suất bị thu hồi trong năm	Số tiền còn được cấp bù lãi suất trong năm
		Cho vay	Thu nợ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)-(7)-(8)
1.								
2.								
....								
<b>Tổng số</b>								

....., ngày ... tháng ... năm...

**Tổng giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(ký, ghi rõ họ tên)

NGÂN HÀNG .....

Phụ lục 02/BC

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY DO  
THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP**

Quý...../.....

(Ban hành kèm theo Thông tư số 114 /2014/TT-BTC ngày 20 /8 / 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu quý	Phát sinh trong quý		Dư nợ cuối quý	Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong quý	Số tiền cấp bù lãi suất phát sinh trong quý	Số tiền cấp bù lãi suất bị thu hồi trong quý	
		Cho vay	Thu nợ				Số tiền	Lý do thu hồi
1.								
2.								
....								
<b>Tổng số</b>								

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kiểm soát**  
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày ... tháng ... năm...  
**Tổng giám đốc**  
(Ký tên, đóng dấu)



NGÂN HÀNG ....

Phụ lục 03/BC

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHO VAY DO  
THỰC HIỆN CHO VAY ĐÓNG MỚI, NÂNG CẤP TÀU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2014/NĐ-CP**

**Năm ....**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 114 /2014/TT-BTC ngày 20 /8 / 2014 của Bộ Tài chính)*

*Đơn vị: đồng*

Tên chi nhánh	Dư nợ đầu năm	Phát sinh trong năm		Dư nợ cuối năm	Số tiền tạm cấp bù lãi suất trong năm	Số tiền cấp bù lãi suất phát sinh trong năm	Số tiền cấp bù lãi suất bị thu hồi trong năm	
		Cho vay	Thu nợ				Số tiền	Lý do thu hồi
1.								
2.								
....								
<b>Tổng số</b>								

**Người lập biểu**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

**Kiểm soát**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*

....., ngày ... tháng ... năm...  
**Tổng giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)*